

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST

Ngày 27/11/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa.

2. Ông Hoàng Thanh Diện.

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Như Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Mai Anh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST-TCDS ngày 17 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐST-TCDS ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Địa chỉ: Số 198, đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng Q - Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N, chi nhánh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Thanh T – Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N, chi nhánh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Phạm Thị L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3.2 Công ty TNHH Vận tải Thương mại L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Hải – Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Thương mại L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành T – Cán bộ Công ty TNHH Vận tải Thương mại L. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2018 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Thanh T trình bày: Ngày 31/03/2015 Ngân hàng Thương mại cổ phần N, Chi nhánh Quảng Bình đã ký hợp đồng tín dụng số 500/2015/NHNT với ông Trần Quốc M. Số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là 2.700.000.000 đồng và ông Trần Quốc M đã nhận nợ số tiền vay trên theo giấy nhận nợ số 01 ngày 31/3/2015 (Kèm theo Hợp đồng tín dụng số 500/2015/NHNT ngày 31/03/2015). Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua ô tô; Phương thức cho vay: Trả dần; Lãi suất cho vay trong hạn là 11,5%/năm. Lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Sau 03 tháng mức lãi suất và chu kỳ điều chỉnh lãi suất áp dụng theo thông báo của Ngân hàng Thương mại cổ phần N – Chi nhánh Quảng Bình trong từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: Lãi phạt nợ gốc quá hạn là 130% lãi suất trong hạn.

Về tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 13, diện tích 782,0 m²; một căn nhà cấp 4, 01 tầng, có kết cấu bê tông cốt thép, tường gạch, cửa gỗ, nền lát gạch bông; diện tích sử dụng 140 m², một căn nhà cấp 4 có kết cấu tường gạch mái ngói lát nền xi măng với diện tích xây dựng 60 m² mang tên ông Trần Quốc M và bà Phạm Thị L, địa chỉ tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL975453, Số vào sổ GCN: CH 01002 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 05/12/2012.

Hợp đồng bảo đảm là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 909/2013/VCBQB ngày 27/12/2013 đã ký giữa ông Trần Quốc M và bà Phạm Thị L với Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh Quảng Bình.

Một xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu DONGFENG, số loại DFL3310A13, biển kiểm soát 73C - 019.10, số chỗ ngồi 02 chỗ, màu vàng, số máy ISLE3403087853073, số khung LGAX5DF57A1801480, năm sản xuất 2010 tại Trung Quốc, loại nhiên liệu Diesel đứng tên Công ty TNHH Vận tải Thương mại L, địa chỉ: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy đăng ký xe ô tô số 005276 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/06/2013

Hợp đồng bảo đảm là Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 1003/2013/VCBQB ngày 30/12/2013 đã ký giữa Công ty TNHH Vận tải Thương mại L với Ngân hàng TMCP N - chi nhánh Quảng Bình

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần Quốc M từ tháng 6/2015 đến tháng 10/2015 thực hiện trả gốc số tiền 2.050.000.000 đồng và lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên đến ngày 13/9/2017. Từ tháng 10/2017 ông Trần Quốc

M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhưng ông M vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền mà ông M còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 27/11/2018 là 709.037.639 đồng (Trong đó nợ gốc là 650.000.000 đồng, tiền lãi là 59.037.639 đồng). Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quốc M trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/11/2018 là 709.037.639 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/11/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng, trường hợp ông M không trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Trần Quốc M đã được Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông M không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải được đối với phần của bị đơn ông Trần Quốc M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày: Bà cùng ông Trần Quốc M thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 13, diện tích 782 m²; một căn nhà cấp 4, 01 tầng, có kết cấu bê tông cốt thép, tường gạch, cửa gỗ, nền lót gạch bông; diện tích sử dụng 140 m², một căn nhà cấp 4 có kết cấu tường gạch mái ngói lót nền xi măng với diện tích xây dựng 60 m² mang tên ông Trần Quốc M và bà Phạm Thị L, địa chỉ tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL975453, Số vào sổ GCN: CH 01002 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 05/12/2012. Hợp đồng bảo đảm là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 909/2013/VCBQB ngày 27/12/2013 đã ký giữa ông Trần Quốc M và bà Phạm Thị L với Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh Quảng Bình.

Bà L thống nhất tính đến thời điểm xét xử hôm nay 27/11/2018 ông M còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 709.037.639 đồng. Hiện nay ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nhưng do gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, cần thêm thời gian để trả nợ, nay nguyên vọng gia đình mong Ngân hàng Thương mại cổ phần N chi nhánh Quảng Bình tạo điều kiện cho thêm một thời gian nữa để thanh toán số nợ trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thành T - đại diện Công ty TNHH Vận tải Thương mại L trình bày: Ngày 30/12/2013 Công ty TNHH Vận tải Thương mại L ký hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 1003/2013/VCBQB với Ngân hàng Thương mại cổ phần N chi nhánh Quảng Bình đồng ý bảo lãnh cho ông Trần Quốc M trú tại: Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vay vốn theo hợp đồng tín dụng số 500/2015/NHNT. Tài sản thế chấp 01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu DONGFENG, số loại DFL3310A13, biển kiểm soát 73C – 019.10, số chỗ ngồi 02 chỗ, màu vàng, số máy ISLE3403087853073, số khung LGAX5DF57A1801480, năm sản xuất 2010 tại Trung Quốc, loại nhiên liệu Diesel đứng tên Công ty TNHH Vận tải Thương mại L, địa chỉ: Khu phố 5, phường B, thị

xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy đăng ký xe ô tô số 005276 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/06/2013. Từ thời điểm làm Hợp đồng thế chấp tài sản đến tháng 9/2018 là gần 05 năm, theo quy định vay trong thời hạn 04 năm thì hợp đồng đã chấm dứt. Hàng năm tại sao Ngân hàng Thương mại cổ phần N chi nhánh Quảng Bình không đánh giá lại giá trị tài sản bảo đảm. Trường hợp nếu xử lý tài sản thế chấp Công ty TNHH Vận tải Thương mại L đề nghị xử lý tài sản của ông M bà L trước, sau đó tiếp tục xử lý tài sản là xe ô tô của công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn phát biểu ý kiến, quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Buộc ông Trần Quốc M trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, trường hợp bị đơn không thanh toán tiền thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc M trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/11/2018 là 709.037.639 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh nơi cư trú của bị đơn đã xác định địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trần Quốc M, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã B đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ông Trần Quốc M thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/11/2018 là 709.037.639 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Trường hợp ông M không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký.

[3] Xét giao dịch dân sự giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N với ông Trần Quốc M, bà Phạm Thị L và Công ty TNHH Vận tải Thương mại L được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp.

Xét thấy các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005, ông M đã được nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông M chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi từ tháng 06/2015 đến tháng 9/2017. Còn từ tháng 10/2017 khi đến kỳ hạn trả lãi nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó” nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông M vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho thấy, việc ký hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N với bị đơn là hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Do đó, đối chiếu với các quy định tại Điều 471, 473, 474 và 476 Bộ luật dân sự 2005, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay vốn, để đảm bảo khoản tiền vay, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện ký kết các hợp đồng thế chấp. Các hợp đồng thế chấp trên tuân thủ theo quy định tại điều 343 Bộ luật dân sự 2005, có công chứng hợp pháp và được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, nội dung hợp đồng là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, theo đó các bên thỏa thuận trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả tiền, thì bên vay có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ và các khoản thu phí liên quan. Đối chiếu quy định tại các điều 343, 355 Bộ luật dân sự 2005 thì yêu cầu nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp, được chấp nhận.

[5] Phần trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L và đại diện Công ty TNHH Thương mại vận tải Lê Nam thống nhất với các trình bày của nguyên đơn về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp

đồng thế chấp. Đối với phần trình bày của bà Loan nguyên vọng xin được gia hạn thêm thời gian trả nợ không được đại diện Ngân hàng chấp nhận, vì bị đơn từ tháng 9/2017 đến nay đã hơn một năm không thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng.

Đại diện Công ty TNHH Thương mại vận tải L không đồng ý xử lý tài sản thế chấp là ô tô tải Biển kiểm soát 73C – 019.10 vì cho rằng đã hết thời hạn vay và hết khấu hao của tài sản thế chấp là không đúng quy định pháp luật, nên không được chấp nhận. Hợp đồng thế chấp là để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 500/2015/NHNT ngày 31/03/2015. Vì vậy không phụ thuộc vào thời hạn vay và khấu hao của tài sản.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Quốc M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tính đến ngày 27/11/2018 tổng số tiền là 709.037.639 đồng (Trong đó tiền gốc là 650.000.000 đồng, lãi là 59.037.639 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm là phù hợp. Trường hợp ông M không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 13, diện tích 782 m²; một căn nhà cấp 4, 01 tầng, có kết cấu bê tông cốt thép, tường gạch, cửa gỗ, nền lót gạch bông; diện tích sử dụng 140 m², một căn nhà cấp 4 có kết cấu tường gạch mái ngói lót nền xi măng với diện tích xây dựng 60 m² mang tên ông Trần Quốc M và bà Phạm Thị L, địa chỉ tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL975453, Số vào sổ GCN: CH 01002 do ủy ban nhân huyện T, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 05/12/2012.

Hợp đồng bảo đảm là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 909/2013/VCBQB ngày 27/12/2013 đã ký giữa ông Trần Quốc M và bà Phạm Thị L với Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh Quảng Bình.

01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu DONGFENG, số loại DFL3310A13, biển kiểm soát 73C-01910, số chỗ ngồi 02 chỗ, màu vàng, số máy ISLE3403087853073, số khung LGAX5DF57A1801480, năm sản xuất 2010 tại Trung Quốc, loại nhiên liệu Diesel đứng tên Công ty TNHH Vận tải Thương mại L, địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký xe ô tô số 005276 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/06/2013

Hợp đồng bảo đảm là hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 1003/2013/VCBQB ngày 30/12/2013 đã ký giữa Công ty TNHH Vận tải Thương mại L với Ngân hàng Thương mại cổ phần N - chi nhánh Quảng Bình

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 32.361.505 đồng; Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.599.555 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002112 ngày 16/8/2018.

[8] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần Quốc M.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Trần Quốc M.

Buộc ông Trần Quốc M có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền là 709.037.639 đồng (Bảy trăm linh chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng). Trong đó tiền gốc là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng); tiền lãi tính đến ngày 27/11/2018 là 59.037.639 đồng (Năm mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 27/11/2018, ông Trần Quốc M còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu phía bị đơn không thanh toán tiền hoặc thanh toán không đầy đủ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 13, diện tích 782 m²; một căn nhà cấp 4, 01 tầng, có kết cấu bê tông cốt thép, tường gạch, cửa gỗ, nền lót gạch bông; diện tích sử dụng 140 m², một căn nhà cấp 4 có kết cấu tường gạch mái ngói lót nền xi măng với diện tích xây dựng 60 m² mang tên ông Trần Quốc M và bà Phạm Thị L, địa chỉ tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL975453, Sổ vào sổ GCN: CH 01002 do ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 05/12/2012.

Hợp đồng bảo đảm là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 909/2013/VCBQB ngày 27/12/2013 đã ký giữa ông Trần Quốc M và bà Phạm Thị L với Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình.

- 01 xe ô tô tải tự đồ, nhãn hiệu DONGFENG, số loại DFL3310A13, biển kiểm soát 73C-01910, số chỗ ngồi 02 chỗ, màu vàng, số máy ISLE3403087853073, số khung LGAX5DF57A1801480, năm sản xuất 2010 tại Trung Quốc, loại nhiên liệu Diesel đứng tên Công ty TNHH Vận tải Thương mại L, địa chỉ: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký xe ô tô số 005276 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/06/2013

Hợp đồng bảo đảm là hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 1003/2013/VCBQB ngày 30/12/2013 đã ký giữa Công ty TNHH Vận tải Thương mại L với Ngân hàng Thương mại cổ phần N chi nhánh Quảng Bình

3. Về án phí: Bị đơn ông Trần Quốc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.361.505 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn năm trăm linh năm đồng); Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.599.555 đồng (Mười lăm triệu năm trăm chín mươi chín nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002112 ngày 16/8/2018.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2018. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn

